

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 -3- 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 199/7, đường Cách Mạng Tháng T, tổ 49, khu 4, phường H, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Y, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 199/7, đường Cách Mạng Tháng T, tổ 49, khu 4, phường H, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, bà Cao Thị H và ông Lê Văn Y sống chung với nhau vào năm 1982 nhưng đến năm 1997 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố M), tỉnh B theo chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/89, ngày 20/11/1997. Hôn nhân của bà H và ông Y trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, bà H và ông Y đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ngoài ra ông Y thường xuyên dùng bạo lực với bà H, có những lời lẽ thô tục, chửi mắng bà H khi vợ chồng cãi nhau. Bà H đã cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông Y vẫn không thay đổi. Mặc dù sống

chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh H, sinh năm 1985, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Y đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Cao Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Lê Văn Y vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố M), tỉnh B theo chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/83, ngày 20/11/1997 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Y nhiều lần để tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng Y không đến Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án thể hiện quá trình sống chung, vợ chồng bà H và ông Y xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà H đã nhiều lần yêu cầu ban điều hành khu phố hoà giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng bà H đã xây vách ngăn để ly thân với ông Y. Ngoài ra, việc ông Y không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ để chứng minh quan hệ hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, cũng không quan tâm đến hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Y là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H đối với bị đơn ông Lê Văn Y về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị H được ly hôn với ông Lê Văn Y.
- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị H thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà H đã có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên Tòa án chấp nhận đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí của bà Cao Thị H. Bà Cao Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND P.H, TP.M, T B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

